

CÔNG TY CỔ PHẦN VNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/2023/CBTT-VNG

Tp. HCM, ngày 24 tháng 10 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công Ty Cổ Phần VNG thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

**1. Tên tổ chức:**

- Mã chứng khoán: VNZ
- Địa chỉ: Z06 Đường Số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 3962388 Fax: .....
- Email:..... Website: <https://vng.com.vn/>

**2. Nội dung thông tin công bố:**

- BCTC bán niên năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

 Có

 Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

 Có

 Không


+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có  Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có  Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/10/2023 tại đường dẫn: <https://vng.com.vn/news/shareholders/cbtt-bao-cao-tai-chinh-ban-nien-2023.html>

### 3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022:

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: *(Không có)*
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) *(căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất)*; .....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC Hợp nhất Bán niên 2023
- Văn bản giải trình số:  
1704/2023/CV-VNG

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  
NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**TRẦN VĂN KHÁNH GIANG**



## **Công ty Cổ phần VNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023





## Công ty Cổ phần VNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



# Công ty Cổ phần VNG

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 61

# Công ty Cổ phần VNG

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ nghiên cứu và phát triển phần mềm; sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ điều hành và phân phối các trò chơi trực tuyến;
- ▶ quảng cáo trực tuyến;
- ▶ thương mại điện tử;
- ▶ sản xuất linh kiện, máy vi tính, thiết bị ngoại vi và thiết bị viễn thông;
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet: các dịch vụ thông tin qua điện thoại, dịch vụ viễn thông khác không có hạ tầng mạng, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06, Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

# Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Sỹ Nhân	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023
Ông Lê Hồng Minh	Thành viên	miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch ngày 1 tháng 1 năm 2023
Ông Vương Quang Khải	Thành viên	
Bà Christina Gaw	Thành viên	
Ông Edphawin Jetjirawat	Thành viên	
Ông Nguyễn Lê Quốc Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2023

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Trương Thị Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Thành viên

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Tổng Giám đốc
Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc Công nghệ
Ông Wong Kelly Yin Hon	Phó Tổng Giám đốc Khối Trò chơi Trực tuyến
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần VNG

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phân tích tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Hồng Minh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 10 năm 2023



Số tham chiếu: 11537012/66926640-LR/HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần VNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") được lập ngày 24 tháng 10 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 61, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán  
Số: 1772-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 10 năm 2023

7867 7 5 10 10 11

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>5.151.664.977.921</b>	<b>4.862.757.122.377</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>3.455.344.895.930</b>	<b>2.629.077.198.459</b>
111	1. Tiền		1.884.254.895.930	2.113.902.916.018
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.571.090.000.000	515.174.282.441
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>103.188.043.140</b>	<b>445.497.043.140</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	103.188.043.140	445.497.043.140
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.050.842.925.636</b>	<b>1.248.467.602.906</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	589.416.039.670	558.237.938.224
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	204.103.315.567	321.175.261.959
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	338.721.789.419	371.906.020.502
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(81.398.219.020)	(2.851.617.779)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>75.101.912.795</b>	<b>88.837.768.006</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	76.310.401.960	89.952.586.092
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9	(1.208.489.165)	(1.114.818.086)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>467.187.200.420</b>	<b>450.877.509.866</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	224.718.974.519	208.510.553.037
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18	225.913.594.857	222.699.369.193
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	16.554.631.044	19.667.587.636
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>4.164.374.504.400</b>	<b>4.036.958.040.578</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>14.172.628.115</b>	<b>15.153.728.062</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	14.172.628.115	15.153.728.062
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.271.849.896.151</b>	<b>1.197.924.803.429</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.024.783.354.461	978.190.988.169
222	Nguyên giá		3.316.419.837.123	2.174.440.745.558
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.291.636.482.662)	(1.196.249.757.389)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	247.066.541.690	219.733.815.260
228	Nguyên giá		934.620.387.867	868.093.730.225
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(687.553.846.177)	(648.359.914.965)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>334.560.390.067</b>	<b>1.038.718.554.484</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	334.560.390.067	1.038.718.554.484
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>1.274.674.748.664</b>	<b>1.458.773.399.246</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14.1	1.045.623.766.026	1.174.518.367.238
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.2	278.568.982.638	286.612.032.008
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14.2	(49.518.000.000)	(2.357.000.000)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>269.116.841.403</b>	<b>326.387.555.357</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	244.844.263.841	268.689.047.771
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	7.904.206.728	2.843.345.891
269	3. Lợi thế thương mại	15	16.368.370.834	54.855.161.695
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>9.316.039.482.321</b>	<b>8.899.715.162.955</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.503.189.267.073</b>	<b>3.785.127.885.393</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.284.468.848.524</b>	<b>2.785.961.837.622</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	349.408.149.865	926.832.177.126
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	31.093.334.146	24.708.318.560
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	254.118.867.909	114.080.387.112
314	4. Phải trả người lao động		7.404.513.335	11.690.467.406
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	1.325.454.915.474	909.646.576.123
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	94.303.276.694	79.778.183.374
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	607.040.865.374	674.822.616.913
320	8. Vay ngắn hạn	22	615.644.925.727	44.403.111.008
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.218.720.418.549</b>	<b>999.166.047.771</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	246.635.674	246.635.674
338	2. Vay dài hạn	22	577.877.526.938	399.627.999.020
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	627.107.806.257	585.833.683.884
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	23	13.488.449.680	13.457.729.193
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.812.850.215.248</b>	<b>5.114.587.277.562</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>4.812.850.215.248</b>	<b>5.114.587.277.562</b>
411	1. Vốn cổ phần	24.1	358.442.620.000	358.442.620.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		358.442.620.000	358.442.620.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	783.503.561.013	783.503.561.013
415	3. Cổ phiếu quỹ	24.1	(1.264.419.931.578)	(1.264.419.931.578)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	1.377.559.677	9.835.765.373
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	4.898.768.841.870	5.092.951.627.944
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.092.371.748.213	6.170.095.251.914
421b	- Lỗ kỳ này		(193.602.906.343)	(1.077.143.623.970)
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	35.177.564.266	134.273.634.810
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>9.316.039.482.321</b>	<b>8.899.715.162.955</b>

Lê Thị Hồng Hạnh  
Người lập

Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng

Lê Hồng Minh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 10 năm 2023



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	4.098.367.672.321	3.664.028.098.959
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27, 31	(2.151.973.241.626)	(2.063.993.796.251)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.946.394.430.695	1.600.034.302.708
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	42.495.241.958	86.663.887.711
22 23	5. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	28	(91.631.581.345) (25.535.899.423)	(11.277.167.116) -
24	6. Phần lỗ trong công ty liên kết	14.1	(233.118.677.552)	(54.950.498.305)
25	7. Chi phí bán hàng	29, 31	(1.097.821.044.198)	(1.315.023.429.396)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29, 31	(751.662.117.815)	(620.386.753.754)
30	9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(185.343.748.257)	(314.939.658.152)
31	10. Thu nhập khác	30	14.313.895.425	12.561.868.470
32	11. Chi phí khác	30	(32.745.223.960)	(10.778.684.634)
40	12. (Lỗ) lợi nhuận khác	30	(18.431.328.535)	1.783.183.836
50	13. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(203.775.076.792)	(313.156.474.316)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(53.288.638.272)	(74.821.279.011)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	32.3	(36.213.261.536)	(121.953.781.553)
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(293.276.976.600)	(509.931.534.880)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
61	17. Lỗ sau thuế thuộc về cổ đông của công ty mẹ		(193.602.906.343)	(281.405.253.369)
62	18. Lỗ sau thuế thuộc về cổ đông không kiểm soát	25	(99.674.070.257)	(228.526.281.511)
70	19. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	34	(6.840)	(11.063)
71	20. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	34	(6.428)	(11.063)

Lê Thị Hồng Hạnh  
Người lập

Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh  
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 10 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

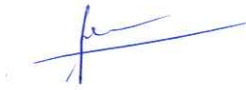
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(203.775.076.792)</b>	<b>(313.156.474.316)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và lợi thế thương mại	11, 12, 15	209.217.182.775	151.409.574.824
03	Dự phòng		123.630.088.036	12.352.214.642
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.668.714.230)	317.071.614
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		232.055.089.519	(14.039.330.365)
06	Chi phí lãi vay	28	25.535.899.423	-
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>384.994.468.731</b>	<b>(163.116.943.601)</b>
09	Giảm các khoản phải thu		100.448.306.626	359.265.371.241
10	Giảm hàng tồn kho		13.642.184.132	38.855.120.887
11	Giảm các khoản phải trả		(134.592.036.327)	(274.674.251.770)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		7.636.362.448	(3.456.002.399)
14	Tiền lãi vay đã trả		(24.176.794.032)	-
15	Thuế TNDN đã nộp		(23.687.089.148)	(24.012.098.993)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>324.265.402.430</b>	<b>(67.138.804.635)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(518.363.431.760)	(399.819.839.564)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		536.385.150	658.225.827
24	Tiền thu thuần tiền gửi kỳ hạn ngân hàng		225.009.000.000	1.079.336.167.367
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(8.383.358.199)	(1.177.549.410.312)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.184.460.000	-
27	Tiền lãi và cổ tức được nhận		27.926.137.351	79.132.418.947
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(256.090.807.458)</b>	<b>(418.242.437.735)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền nhận đặt cọc mua cổ phần		8.724.030.000	6.150.276.900
33	Tiền thu từ đi vay	22	749.491.342.637	79.340.985.584
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>758.215.372.637</b>	<b>85.491.262.484</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		826.389.967.609	(399.889.979.886)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		2.629.077.198.459	2.467.527.015.552
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		(122.270.138)	(317.071.614)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	3.455.344.895.930	2.067.319.964.052



Lê Thị Hồng Hạnh  
Người lập



Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 10 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần VNG (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ nghiên cứu và phát triển phần mềm, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ điều hành và phân phối các trò chơi trực tuyến;
- ▶ quảng cáo trực tuyến;
- ▶ thương mại điện tử;
- ▶ sản xuất linh kiện, máy vi tính, thiết bị ngoại vi và thiết bị viễn thông;
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet: các dịch vụ thông tin qua điện thoại, dịch vụ viễn thông khác không có hạ tầng mạng, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06, Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 3.580 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3.885 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi hai (22) công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
<b>I.</b>	<b>Công ty con trực tiếp</b>					
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Ví Na ("VinaData")	99,986%	99,986%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ EPI ("EPI")	100,00%	100,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông	Đang hoạt động
3.	Công ty TNHH VNG Online ("VNG Online")	100,00%	100,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và sản xuất phần mềm các loại	Đang hoạt động
4.	Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Ví Na ("VinaNet")	99,50%	99,50%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông	Đang hoạt động
5.	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG ("VNGS")	100,00%	100,00%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
6.	Công ty TNHH Giải trí Long Đĩnh ("Long Đĩnh")	100,00%	100,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần Zion ("Zion")	69,996%	69,996%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán	Đang hoạt động
8.	Công ty TNHH ZingPlay Việt Nam ("ZPS")	100,00%	100,00%	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
9.	Công ty Cổ phần A4B ("A4B")	69,80%	69,80%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
10.	Quý Kiến tạo ước mơ ("DMF")	100,00%	100,00%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động từ thiện	Đang hoạt động



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi hai (22) công ty con gián tiếp như sau: (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
<b>I. Công ty con trực tiếp</b>						
11.	Công ty TNHH Verichains ("Verichains")	100,00%	100,00%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
12.	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VTH ("VTH") (*)	100,00%	100,00%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cho thuê văn phòng	Trước hoạt động
<b>II. Công ty con gián tiếp</b>						
1.	Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh ("MPT")	100,00%	100,00%	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
2.	Công ty TNHH VNG Data Center ("VNG DC")	99,986%	100,00%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	VNG Singapore Pte. Ltd. ("VNG Singapore")	99,986%	100,00%	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi	Đang hoạt động
4.	VNG Myanmar Company Limited ("VNG Myanmar")	99,986%	100,00%	Thành phố Yangon, Myanmar	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
5.	MLT Hong Kong Limited ("MLT HK") (*)	100,00%	100,00%	Hong Kong	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
6.	VNG Games Co., Ltd ("VNG Games")	99,986%	100,00%	Thành phố Bangkok, Thái Lan	Phát triển và cập nhật game online và game trên điện thoại	Đang hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi hai (22) công ty con gián tiếp như sau: (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
<b>II.</b>	<b>Công ty con gián tiếp</b> (tiếp theo)					
7.	Công ty Cổ phần XFM ("XFM")	99,98%	99,98%	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
8.	ZingPlay International Pte. Ltd. ("ZPI")	99,986%	100,00%	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính	Đang hoạt động
9.	Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn ("Thanh Sơn")	69,996%	100,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thẻ trò chơi và thẻ viễn thông	Đang hoạt động
10.	Công ty Cổ phần Adtima ("Adtima")	99,999%	99,999%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
11.	Công ty Cổ phần Fiza ("Fiza")	99,997%	99,998%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
12.	Cloudverse Pte. Ltd ("Cloudverse")	79,988%	80,00%	Singapore	Tư vấn công nghệ thông tin và dịch vụ lưu trữ	Đang hoạt động
13.	Công ty Cổ phần Mixus ("Mixus") (*)	99,933%	99,934%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
14.	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd ("KMZ") (*)	99,986%	100,00%	Trung Quốc	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Trước hoạt động
15.	Verichains SG Pte. Ltd ("Verichains SG")	100,00%	100,00%	Singapore	Phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	Đang hoạt động
16.	Instantiapay Holdings Pte. Ltd. ("Instpay Holco") (*)	100,00%	100,00%	Singapore	Hoạt động đầu tư	Trước hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi hai (22) công ty con gián tiếp như sau: (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
<b>II.</b>	<b>Công ty con gián tiếp</b> (tiếp theo)					
17.	Instantiapay SG Pte. Ltd. ("Instpay SG") (*)	100,00%	100,00%	Singapore	Dịch vụ chuyển tiền và dịch vụ tài chính khác	Trước hoạt động
18.	Instantiapay Pty Ltd ("Instpay AU") (*)	100,00%	100,00%	Australia	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
19.	Instantiapay Limited (United Kingdom) ("Instpay UK") (*)	100,00%	100,00%	United Kingdom	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
20.	Instantiapay Limited (Hongkong) ("Instpay HK") (*)	100,00%	100,00%	Hong Kong	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
21.	VNG Investment Pte. Ltd. ("VNG Investment") (*)	100,00%	100,00%	Singapore	Phát triển và kinh doanh phần mềm, thiết bị và phụ tùng máy tính và các dịch vụ liên quan đến phần mềm	Trước hoạt động
22.	YoPlatform FZE ("YoPlatform") (*)	100,00%	100,00%	Dubai	Dịch vụ trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động

(\*) Các công ty trên đang ở giai đoạn trước hoạt động, nghĩa là đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2023.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Khu Chế Xuất Tân Thuận Đông số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong thời hạn 28 năm và số 078/TTC-NV.16 vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 trong thời hạn 25 năm và theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký với Công ty TNHH Mtex (Việt Nam) vào ngày 8 tháng 6 năm 2020 cho thời hạn thuê 21 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Tài sản khác	2 – 5 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.

Trong Quý 1 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc đánh giá lại thời gian sử dụng hữu ích của các máy chủ, là một phần máy móc thiết bị của Tập đoàn. Theo đó, Tập đoàn đã quyết định điều chỉnh việc ước tính thời gian sử dụng hữu ích của các máy chủ này từ ba năm lên năm năm, do các tiến bộ vượt bậc về công nghệ. Việc thay đổi trong ước tính kế toán nói trên sẽ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 và áp dụng về sau đối với các máy chủ còn số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như các máy chủ được mua mới trong tương lai.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 *Tài sản cố định vô hình* (tiếp theo)

##### *Phần mềm*

Phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

##### *Chi phí nghiên cứu và triển khai*

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong kỳ. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Tập đoàn đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- ▶ Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Tập đoàn dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Tập đoàn có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó;
- ▶ Tài sản cố định vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- ▶ Tập đoàn có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và
- ▶ Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó.

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản cố định vô hình đã sẵn sàng để sử dụng.

##### *Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ*

Tập đoàn ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển và đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

##### *Tài sản cố định vô hình hình thành từ việc hợp nhất kinh doanh*

Giá gốc của tài sản cố định vô hình hình thành từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản (8 - 10 năm).

#### 3.7 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc và bao gồm:

##### *Trò chơi và phần mềm dở dang*

Trò chơi và phần mềm dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tài sản dở dang*

Tài sản dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc mua sắm tài sản và xây dựng dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt thiết bị và các chi phí phát sinh trực tiếp khác cho đến khi tài sản được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Tập đoàn không trích khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho đến khi tài sản sẵn sàng để đưa vào sử dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa mười năm.

Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

#### 3.10 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cơ nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Tập đoàn/Nhóm Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)**

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

**Chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở hoạt động ở nước ngoài**

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn/Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn/Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

**3.15 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.16 Nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu**

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo chương trình quyền chọn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này tại Thuyết minh số 36 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu trò chơi trực tuyến**

Doanh thu được ghi nhận khi thẻ và/ hoặc mã số thẻ trò chơi trực tuyến hoặc tin nhắn được bán cho người sử dụng theo như quy định của Công văn số 7932/BTC-CĐKT ngày 27 tháng 6 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành.

Doanh thu trò chơi trực tuyến bao gồm khoản chiết khấu trên mệnh giá của thẻ. Tập đoàn ghi nhận doanh thu trên cơ sở thuần sau khi trừ các khoản chiết khấu cho các nhà phân phối.



1.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến*

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Tập đoàn, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức băng rôn, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v. và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

#### 3.18 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua hàng hóa, chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, chi phí triển khai và điều hành trò chơi, và các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ và hàng hóa.

#### 3.19 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ**

***Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Zion***

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Zion tăng từ 69,98% lên 69,996% do Tập đoàn hoàn tất nghiệp vụ góp thêm vốn vào Zion. Chênh lệch giữa giá trị mà Tập đoàn đầu tư thêm vào Zion và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn tăng thêm vào ngày giao dịch với số tiền là 579.879.731 VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 24.1).

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	391.249.493	657.524.630
Tiền gửi ngân hàng (*)	1.883.863.646.437	2.113.245.391.388
Các khoản tương đương tiền (**)	1.571.090.000.000	515.174.282.441
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.455.344.895.930</b>	<b>2.629.077.198.459</b>

(\*) Một phần tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 đang được dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng của một bên liên quan.

(\*\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và được hưởng lãi suất dao động từ 0,2% đến 5,5%/năm.

**6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm và được hưởng lãi suất dao động từ 1,2% đến 8,5%/năm.

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu khách hàng	551.482.117.798	547.096.854.072
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 33)	37.933.921.872	11.141.084.152
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>589.416.039.670</b>	<b>558.237.938.224</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.849.427.779)	(2.851.617.779)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>584.566.611.891</b>	<b>555.386.320.445</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**  
(tiếp theo)

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho người bán	197.500.915.567	313.822.324.759
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Moca	16.807.792.371	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nhất Trần	14.029.214.492	56.319.984.850
- Công ty TNHH Quốc tế Hoàng Việt	-	97.243.297.110
- Shanghai Yue Long le Culture Technology Co., Ltd	-	35.865.000.000
- Nhà cung cấp khác	166.663.908.704	124.394.042.799
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 33)	6.602.400.000	7.352.937.200
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>204.103.315.567</b>	<b>321.175.261.959</b>
Dự phòng các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(67.395.100.000)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>136.708.215.567</b>	<b>321.175.261.959</b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>338.721.789.419</b>	<b>371.906.020.502</b>
Tạm ứng cho nhân viên	119.649.366.212	134.475.688.467
Phải thu ngân hàng - dịch vụ trung gian thanh toán	63.314.277.173	77.016.247.028
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	14.318.069.088	12.339.792.044
Tiền lãi phải thu	3.181.514.135	12.597.116.952
Khác	138.258.562.811	135.477.176.011
<b>Dài hạn – Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh</b>	<b>14.172.628.115</b>	<b>15.153.728.062</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>352.894.417.534</b>	<b>387.059.748.564</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	44.526.545.105	-	47.540.264.931	-
Công cụ, dụng cụ	28.046.004.887	-	37.348.726.121	-
Hàng khuyến mãi	3.737.851.968	(1.208.489.165)	4.493.007.190	(1.114.818.086)
Hàng đang đi đường	-	-	570.587.850	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>76.310.401.960</b>	<b>(1.208.489.165)</b>	<b>89.952.586.092</b>	<b>(1.114.818.086)</b>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	Số đầu kỳ	1.114.818.086
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	93.671.079	-
Trừ: Sử dụng, hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(182.220.892)
Số cuối kỳ	<u>1.208.489.165</u>	<u>1.477.031.945</u>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	<b>Ngắn hạn</b>	<b>224.718.974.519</b>
Chi phí dịch vụ trả trước	136.893.531.864	129.383.447.037
Phí bản quyền phần mềm	59.113.513.661	59.912.025.389
Công cụ, dụng cụ	25.880.305.117	11.510.995.707
Khác	2.831.623.877	7.704.084.904
<b>Dài hạn</b>	<b>244.844.263.841</b>	<b>268.689.047.771</b>
Tiền thuê đất trả trước (*)	112.770.740.155	115.959.986.522
Công cụ, dụng cụ	77.267.105.168	94.204.204.503
Phí bản quyền âm nhạc	33.383.753.236	32.059.287.315
Chi phí sửa chữa văn phòng	14.819.456.398	21.325.632.987
Khác	6.603.208.884	5.139.936.444
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>469.563.238.360</b>	<b>477.199.600.808</b>

(\*) Tập đoàn đã sử dụng một phần tiền thuê đất trả trước để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh số 22). Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, giá trị ghi sổ của tiền thuê đất trả trước cầm cố là 79.634.116.837 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá:	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	672.520.104.005	1.251.793.422.635	40.295.594.935	156.037.974.548	53.793.649.435	2.174.440.745.558
Mua trong kỳ	-	47.731.904.295	-	3.679.671.561	-	51.411.575.856
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	859.318.237.692	238.962.783.472	-	-	-	1.098.281.021.164
Thanh lý và xóa sổ	(2.280.000)	(606.710.278)	-	(6.749.551.752)	(133.218.183)	(7.491.760.213)
Phân loại lại	-	(2.251.505.359)	-	2.251.505.359	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(31.949.082)	(191.321.693)	-	1.525.533	-	(221.745.242)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	1.531.804.112.615	1.535.438.573.072	40.295.594.935	155.221.125.249	53.660.431.252	3.316.419.837.123
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	13.462.888.942	746.361.902.676	12.666.999.774	69.970.200.802	52.082.697.616	894.544.689.810
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	115.473.637.800	901.829.806.190	22.075.074.933	103.770.546.048	53.100.692.418	1.196.249.757.389
Khấu hao trong kỳ	31.110.523.720	51.814.152.788	4.944.655.349	13.831.926.533	224.830.310	101.926.088.700
Thanh lý và xóa sổ	(2.280.000)	(598.935.409)	-	(5.747.916.285)	(133.218.183)	(6.482.349.877)
Phân loại lại	-	(947.100.178)	-	947.100.178	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(1.810.380)	(56.467.523)	-	1.264.353	-	(57.013.550)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	146.580.071.140	952.041.455.868	27.019.730.282	112.802.920.827	53.192.304.545	1.291.636.482.662
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	557.046.466.205	349.963.616.445	18.220.520.002	52.267.428.500	692.957.017	978.190.988.169
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	1.385.224.041.475	583.397.117.204	13.275.864.653	42.418.204.422	468.126.707	2.024.783.354.461

Như được trình bày trong *Thuyết minh số 22.1 và 22.2*, Tập đoàn đã thế chấp toàn bộ Dự án Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất khác tọa tại Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM, các máy móc và thiết bị để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)**

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 3.5*, việc thay đổi thời gian khấu hao của các máy móc thiết bị, do thay đổi trong ước tính kế toán về thời gian sử dụng hữu ích của các tài sản này, đã làm giảm chi phí khấu hao trong kỳ với giá trị là 20.359.615.737 VND.

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Phần mềm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	828.916.608.361	39.177.121.864	868.093.730.225
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	60.771.409.426	-	60.771.409.426
Mua trong kỳ	34.169.581.779	5.066.580.366	39.236.162.145
Thanh lý và xóa sổ	(33.540.400.000)	-	(33.540.400.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	59.486.071	-	59.486.071
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>890.376.685.637</u>	<u>44.243.702.230</u>	<u>934.620.387.867</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	450.609.934.502	39.177.121.864	489.787.056.366
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	609.966.793.100	38.393.121.865	648.359.914.965
Hao mòn trong kỳ	68.020.303.215	783.999.999	68.804.303.214
Thanh lý và xóa sổ	(29.685.015.714)	-	(29.685.015.714)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	74.643.712	-	74.643.712
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>648.376.724.313</u>	<u>39.177.121.864</u>	<u>687.553.846.177</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>218.949.815.261</u>	<u>783.999.999</u>	<u>219.733.815.260</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>241.999.961.324</u>	<u>5.066.580.366</u>	<u>247.066.541.690</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Quyền sử dụng đất thuê đang hoàn thiện hồ sơ	162.286.441.749	-
Phần mềm trò chơi đang hoàn thiện	88.184.772.387	44.615.496.290
Hệ thống máy chủ đang hoàn thiện	75.787.164.601	-
Dự án VNG Data Center	-	991.677.904.977
Khác	8.302.011.330	2.425.153.217
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>334.560.390.067</u></b>	<b><u>1.038.718.554.484</u></b>

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.1)	1.045.623.766.026	1.174.518.367.238
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 14.2)	278.568.982.638	286.612.032.008
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 14.2)	(49.518.000.000)	(2.357.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.274.674.748.664</u></b>	<b><u>1.458.773.399.246</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**14.1 Đầu tư vào các công ty liên kết**

	Tiki Global	Rocketeer	Ecotruck	DayOne	Beijing Youtu	Telto	Funding Asia	OCG	VND
<b>Giá trị đầu tư</b>									
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	510.119.999.037	33.093.946.920	131.659.349.655	138.120.000.000	35.338.249.520	515.282.476.878	512.549.703.860	-	1.876.163.725.870
Tăng giá trị đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	104.224.076.340	104.224.076.340
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	510.119.999.037	33.093.946.920	131.659.349.655	138.120.000.000	35.338.249.520	515.282.476.878	512.549.703.860	104.224.076.340	1.980.387.802.210
<b>Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên kết</b>									
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(510.119.999.037)	(6.907.862.858)	(23.801.683.214)	1.270.450.502	(35.338.249.520)	(80.369.574.715)	(46.378.439.790)	-	(701.645.358.632)
Phần (lỗ) lãi từ công ty liên kết	-	(2.114.000.893)	(9.079.112.344)	2.895.351.953	-	(201.875.582.670)	(22.382.902.794)	(562.430.804)	(233.118.677.552)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	(510.119.999.037)	(9.021.863.751)	(32.880.795.558)	4.165.802.455	(35.338.249.520)	(282.245.157.385)	(68.761.342.584)	(562.430.804)	(934.764.036.184)
<b>Giá trị còn lại</b>									
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	26.186.084.062	107.857.666.441	139.390.450.502	-	434.912.902.163	466.171.264.070	-	1.174.518.367.238
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	24.072.083.169	98.778.554.097	142.285.802.455	-	233.037.319.493	443.788.361.276	103.661.645.536	1.045.623.766.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**14.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)**

*Tiki Global Pte. Ltd ("Tiki Global")*

Tiki Global được thành lập theo GCNĐKKD số 202117645H vào ngày 19 tháng 5 năm 2021. Tiki Global có trụ sở chính tại Số 10, Đường Anson, Tòa nhà Quốc tế #21-07, Singapore. Hoạt động chính của Tiki Global là công ty đầu tư.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 14,61% tỷ lệ sở hữu trong Tiki Global. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định hai (2) trên chín (9) thành viên Hội đồng Quản trị của Tiki Global, kèm các quyền khác, và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu thấp hơn 20%.

*Rocketeer Holding Limited ("Rocketeer")*

Rocketeer được thành lập theo GCNĐKKD số 379385 vào ngày 29 tháng 7 năm 2021. Rocketeer có trụ sở chính tại ICS Corporate Services (Cayman) Limited, Quảng trường Chính quyền 3-212, Đại lộ 23 Line Tree Bay, P.O. Box 30746, Seven Mile Beach, Grand Cayman KY1-1203, Quần đảo Cayman. Hoạt động chính của Rocketeer là công ty đầu tư.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 11,25% tỷ lệ sở hữu trong Rocketeer. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên năm (5) thành viên Hội đồng Quản trị của Rocketeer, kèm các quyền khác, và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu thấp hơn 20%.

*Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")*

Ecotruck được thành lập theo GCNĐKKD số 0314715626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 11 năm 2017. Ecotruck có trụ sở chính tại Số 139/1A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Ecotruck là sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 24,93% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng trong Ecotruck (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 25%). Ecotruck đã hoàn tất phát hành thêm công vụ tài chính nhằm tăng vốn tuy nhiên Tập đoàn không tham gia quá trình này.

*Công ty cổ phần DayOne ("Day One")*

DayOne được thành lập theo GCNĐKKD số 0313249098 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 13 tháng 5 năm 2015. DayOne có trụ sở chính tại Tầng 1-5, Tòa nhà 9-11, Đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của DayOne là kinh doanh thương mại điện tử.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 27,27% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng trong DayOne.

*Beijing Youtu Interactive Co., Ltd ("Beijing Youtu")*

Beijing Youtu được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 91110105MA01YKF977 cấp vào ngày 5 tháng 1 năm 2021. Beijing Youtu có trụ sở chính tại 576 East, 202B, Tầng 2, Tòa nhà 1, Số 1, Đường Lize Middle, Quận Changyang, Bắc Kinh, Trung Quốc. Hoạt động chính của Beijing Youtu là phân phối trò chơi điện tử.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 14% tỷ lệ sở hữu trong Beijing Youtu. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên ba (3) thành viên Hội đồng Quản trị của Beijing Youtu, kèm các quyền khác, và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu thấp hơn 20%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

##### 14.1 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

###### *Telio Pte. Ltd. ("Telio")*

Telio được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 201902507W cấp vào ngày 21 tháng 1 năm 2019. Telio có trụ sở chính tại Số 30, Đường Cecil, Tòa nhà #19-08 Prudential, Singapore. Hoạt động chính của Telio là công ty đầu tư.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 16,67% tỷ lệ sở hữu trong Telio (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 16,70%). Telio đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính nhằm tăng vốn tuy nhiên Tập đoàn không tham gia quá trình này. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên sáu (6) thành viên Hội đồng quản trị của Telio kèm các quyền khác, nên có ảnh hưởng đáng kể mặc dù có tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.

###### *Nhóm Công ty Funding Asia Group Pte. Ltd. ("Funding Asia")*

Funding Asia được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 201537647E cấp vào ngày 14 tháng 10 năm 2015. Funding Assia có trụ sở chính tại Số 5 Đường Shenton Way, #10-01, Tòa nhà UIC, Singapore. Hoạt động chính của Funding Asia là công ty kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng cho vay trực tuyến.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tập đoàn nắm giữ 4,88% tỷ lệ sở hữu trong Funding Asia (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5,11%). Funding Asia đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính nhằm tăng vốn tuy nhiên Tập đoàn không tham gia quá trình này. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên mười (10) thành viên Hội đồng quản trị của Funding Asia kèm các quyền khác, nên có ảnh hưởng đáng kể mặc dù có tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.

###### *OpenCommerce Holding Pte. Ltd. ("OCG")*

OCG được thành lập với mã số đăng ký doanh nghiệp số 202140908D vào ngày 24 tháng 11 năm 2021. OCG có trụ sở chính tại 1 Raffles Place #40-02 One Raffles Place Singapore 048616. Hoạt động chính của OCG là thương mại điện tử.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc chuyển đổi tất cả khoản vay có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu ưu đãi. Theo đó, Tập đoàn đã nắm giữ 11,16% quyền sở hữu của OCG kể từ ngày này. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên bốn (4) thành viên Hội đồng quản trị của OCG kèm các quyền khác và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023			Ngày 31 tháng 12 năm 2022				
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (*)	853.703	4,63%	77.579.864.996	-	1.035.203	5,99%	94.073.593.490	-
Haegin, Co. Ltd, ("Haegin") (**)	55.555	0,57%	98.544.770.829	-	55.555	0,58%	98.502.979.154	-
Wildseed Games, Inc.	-	-	47.160.000.000 (47.160.000.000)	-	-	-	47.140.000.000	-
Transcend Fund II (***)	-	-	42.246.377.199	-	-	-	33.863.019.000	-
Trái phiếu của Victoria Shanghai Education Foundation Limited	-	-	10.679.969.614	-	-	-	10.675.440.364	-
Real Stake Pte Ltd	-	-	2.358.000.000 (2.358.000.000)	-	-	-	2.357.000.000 (2.357.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>278.568.982.638 (49.518.000.000)</b>				<b>286.612.032.008 (2.357.000.000)</b>	

(\*) Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn đã thanh lý 181.500 cổ phần trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT với tổng giá trị chuyển nhượng là 17.184.460.000 VND. Theo đó, Tập đoàn đã ghi nhận khoản lãi từ nghiệp vụ này với giá trị là 690.731.506 VND vào doanh thu tài chính trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(\*\*) Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Haegin đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính nhằm tăng vốn tự nhiên Tập đoàn không tham gia quá trình này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Haegin giảm từ 0,58% thành 0,57%.

(\*\*\*) Vào ngày 3 tháng 4 năm 2023, Tập đoàn đã góp thêm số tiền là 354.919 Đô la Mỹ (tương đương 8.383.358.199 VND) vào Quỹ Transcend II ("Transcend") theo như thỏa thuận cam kết đầu tư đã ký kết với Transcend vào ngày 18 tháng 7 năm 2022 để đầu tư vào các công ty phát triển trò chơi điện tử và ngành giải trí kỹ thuật số. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tổng số tiền Tập đoàn đã góp vào Transcend là 1.791.619 Đô la Mỹ (tương đương 42.246.377.199 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất các công ty con được trình bày như sau:

	VinaData	EPI	MPT	VNG Online	XFM	Verichains	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>							VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	9.814.811.229	11.920.046.178	591.115.321	26.343.737	11.025.955.237	158.604.581.243	191.982.852.945
<b>Phân bổ lũy kế</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	(9.814.811.229)	(11.920.046.178)	(591.115.321)	(26.343.737)	(2.756.488.790)	(112.018.885.995)	(137.127.691.250)
Phân bổ trong kỳ	-	-	-	-	(551.297.765)	(37.935.493.096)	(38.486.790.861)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	(9.814.811.229)	(11.920.046.178)	(591.115.321)	(26.343.737)	(3.307.786.555)	(149.954.379.091)	(175.614.482.111)
<b>Giá trị còn lại</b>							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	-	-	-	8.269.466.447	46.585.695.248	54.855.161.695
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	-	-	-	7.718.168.682	8.650.202.152	16.368.370.834

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả cho người bán	270.186.380.584	702.386.825.010
- Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	118.438.492.263	213.339.322.328
- Seasun Games Corporation Limited	21.227.392.823	98.729.387.080
- Phải trả người bán khác	130.520.495.498	390.318.115.602
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	<u>79.221.769.281</u>	<u>224.445.352.116</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>349.408.149.865</u></b>	<b><u>926.832.177.126</u></b>

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Người mua trả tiền trước	29.767.581.067	21.451.380.124
- Công ty TNHH The Sherpa	14.872.715.016	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến Cộng Đồng Việt	101.488.440	2.313.870.640
- Các khách hàng khác	14.793.377.611	19.137.509.484
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 33)	<u>1.325.753.079</u>	<u>3.256.938.436</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>31.093.334.146</u></b>	<b><u>24.708.318.560</u></b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. THUẾ**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Phải thu</b>					
Thuế giá trị gia tăng	222.699.369.193	324.357.323.674	(318.297.168.758)	(2.845.929.252)	225.913.594.857
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.600.191.999	(2.855.279.026)	(212.358.722)	271.444	16.532.825.695
Thuế thu nhập cá nhân	67.395.637	-	(67.395.637)	21.805.349	21.805.349
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>242.366.956.829</b>	<b>321.502.044.648</b>	<b>(318.576.923.117)</b>	<b>(2.823.852.459)</b>	<b>242.468.225.901</b>
<b>Phải nộp</b>					
Thuế giá trị gia tăng	43.550.285.853	462.333.661.785	(343.356.358.489)	140.569.928	162.668.159.077
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.754.678.035	53.288.638.272	(26.542.368.174)	(447.653.359)	51.053.294.774
Thuế nhà thầu nước ngoài	16.645.069.759	238.035.812.398	(225.887.143.157)	(2.434.468.163)	26.359.270.837
Thuế thu nhập cá nhân	29.130.353.465	245.665.025.926	(260.832.325.252)	75.089.082	14.038.143.221
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>114.080.387.112</b>	<b>999.323.138.381</b>	<b>(856.618.195.072)</b>	<b>(2.666.462.512)</b>	<b>254.118.867.909</b>

**19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện tiền nhận trước từ khách hàng để thực hiện các dịch vụ quảng cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phí bản quyền phần mềm	699.478.131.182	318.688.329.781
Chi phí lương thưởng	224.856.989.337	377.444.738.579
Chi phí quảng cáo	203.400.511.527	82.429.526.067
Mua tài sản cố định	73.129.828.677	1.743.487.956
Chi phí phải trả khác	124.589.454.751	129.340.493.740
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.325.454.915.474</u></b>	<b><u>909.646.576.123</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác bên khác</i>	996.900.567.981	742.836.648.777
<i>Phải trả khác bên liên quan     (Thuyết minh số 33)</i>	328.554.347.493	166.809.927.346

**21. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>607.040.865.374</b>	<b>674.822.616.913</b>
Thu hộ	494.367.771.118	499.928.674.814
Thuế nhà thầu nước ngoài	14.001.908.925	34.582.588.726
Nhận đặt cọc mua cổ phần	11.683.435.000	2.959.405.000
Kinh phí công đoàn	8.947.291.537	18.387.469.772
Phải trả khác	78.040.458.794	118.964.478.601
<b>Dài hạn - Nhận đặt cọc</b>	<b><u>246.635.674</u></b>	<b><u>246.635.674</u></b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>607.287.501.048</u></b>	<b><u>675.069.252.587</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác bên khác</i>	606.661.086.002	672.476.814.259
<i>Phải trả khác bên liên quan     (Thuyết minh số 33)</i>	626.415.046	2.592.438.328

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VAY**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Phân loại lại	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
				VND
<b>Ngắn hạn:</b>	<b>44.403.111.008</b>	<b>496.458.925.715</b>	<b>74.782.889.004</b>	<b>615.644.925.727</b>
Vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 22.1)	-	496.458.925.715	-	496.458.925.715
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.2)	44.403.111.008	-	74.782.889.004	119.186.000.012
<b>Dài hạn:</b>	<b>399.627.999.020</b>	<b>253.032.416.922</b>	<b>(74.782.889.004)</b>	<b>577.877.526.938</b>
Vay ngân hàng dài hạn (Thuyết minh số 22.2)	399.627.999.020	253.032.416.922	(74.782.889.004)	577.877.526.938
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>444.031.110.028</b>	<b>749.491.342.637</b>	<b>-</b>	<b>1.193.522.452.665</b>

**22.1 Vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/year	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	496.458.925.715	Từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 đến ngày 22 tháng 12 năm 2023	7,3% - 7,8%	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 24, Tờ bản đồ số 31 (theo tài liệu đo năm 2023), tọa lạc tại Lô Z.03b-04 và Lô Z.05-06-07, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM (Thuyết minh số 10, số 11).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VAY** (tiếp theo)

**22.2 Vay ngân hàng dài hạn**

Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/year	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	550.000.000.000 VND	Từ ngày 26 tháng 8 năm 2023 đến ngày 20 tháng 5 năm 2028	8,7% - 12,3%	Tài trợ cho dự án "Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm"	Bất động sản tọa lạc tại S.38b - 39 - 40, Đường số 19, Khu Ché Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam thuộc sở hữu của VNG DC, công ty con trong Tập đoàn và tài sản hình thành trong tương lai bao gồm công trình xây dựng trên đất và máy móc thiết bị thuộc dự án "Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm" (Thuyết minh số 11)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Sài Gòn	147.063.526.950 VND	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2024 đến ngày 31 tháng 3 năm 2028	9,6%	Bổ sung nguồn vốn để mua máy chủ và thiết bị mới	Máy móc, thiết bị thuộc sở hữu của VNDT, công ty con trong Tập đoàn (Thuyết minh số 11)
<b>TOTAL</b>	<b>697.063.526.950</b>				

Trong đó

Vay dài hạn đến hạn trả	119.186.000.012
Vay dài hạn	577.877.526.938

**Chi phí đi vay vốn hóa**

Trong kỳ, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 7.383.991.558 VND vào giá trị của chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 6.825.102.333 VND).

**23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 46 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong Thuyết minh số 3.12.

## Công ty Cổ phần VNG

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 24.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa phân phối	Lợi nhuận sau thuế	VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	358.442.620.000	1.133.299.050.771	(1.943.352.107.086)	7.691.797.322	6.648.278.361.893	6.204.359.722.900
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(281.405.253.369)	(281.405.253.369)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	(367.094.581.550)	(367.094.581.550)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	-	-	-	5.268.911.616	-	5.268.911.616
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>358.442.620.000</u>	<u>1.133.299.050.771</u>	<u>(1.943.352.107.086)</u>	<u>12.960.708.938</u>	<u>5.999.778.526.974</u>	<u>5.561.128.799.597</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	358.442.620.000	783.503.561.013	(1.264.419.931.578)	9.835.765.373	5.092.951.627.944	4.980.313.642.752
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(193.602.906.343)	(193.602.906.343)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con ( <i>Thuyết minh 4</i> )	-	-	-	-	(579.879.731)	(579.879.731)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	-	-	-	(8.458.205.696)	-	(8.458.205.696)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>358.442.620.000</u>	<u>783.503.561.013</u>	<u>(1.264.419.931.578)</u>	<u>1.377.559.677</u>	<u>4.898.768.841.870</u>	<u>4.777.672.650.982</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**24.2 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	35.844.262	35.844.262
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.844.262	35.844.262
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.736.000	28.736.000
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.108.262	7.108.262

Cổ phiếu của Tập đoàn đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn được quyền hưởng cổ tức do Tập đoàn công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

**24.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu kỳ và cuối kỳ	<u>358.442.620.000</u>	<u>358.442.620.000</u>

**25. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	134.273.634.810	119.313.521.624
Thay đổi tỷ lệ sở hữu	579.879.731	367.094.581.550
Cổ tức	(1.880.018)	-
Góp vốn trong kỳ	-	153.000.000
Lỗ thuần trong kỳ	<u>(99.674.070.257)</u>	<u>(228.526.281.511)</u>
Số cuối kỳ	<u>35.177.564.266</u>	<u>258.034.821.663</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. DOANH THU**

**26.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	3.068.670.582.487	2.587.321.391.792
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	473.271.995.491	626.349.953.309
Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet	443.040.166.551	305.784.701.473
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	16.656.476.894	14.308.757.206
Dịch vụ khác	96.728.450.898	130.263.295.179
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.098.367.672.321</u></b>	<b><u>3.664.028.098.959</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên khác	4.001.232.783.758	3.610.960.546.482
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 33)	97.134.888.563	53.067.552.477

**26.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lãi chênh lệch tỷ giá	22.429.410.849	16.573.408.506
Lãi tiền gửi	14.237.019.534	60.286.312.234
Cổ tức được chia	4.273.515.000	9.804.166.971
Lãi thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	690.731.506	-
Khác	864.565.069	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>42.495.241.958</u></b>	<b><u>86.663.887.711</u></b>

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Phí bản quyền phần mềm	785.795.820.374	734.917.418.333
Chi phí nhân viên	704.434.803.037	731.547.057.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	492.934.124.604	452.551.315.410
Chi phí khấu hao và hao mòn	128.851.103.416	108.708.488.262
Chi phí khác	39.957.390.195	36.269.516.292
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.151.973.241.626</u></b>	<b><u>2.063.993.796.251</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
		VND
Dự phòng giảm giá trị đầu tư tài chính dài hạn	47.072.000.000	-
Chi phí lãi vay	25.535.899.423	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.904.240.328	9.673.884.623
Chi phí tài chính khác	13.119.441.594	1.603.282.493
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>91.631.581.345</u></b>	<b><u>11.277.167.116</u></b>

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
		VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>1.097.821.044.198</b>	<b>1.315.023.429.396</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	879.107.977.451	1.102.679.303.028
Chi phí nhân viên	210.890.759.903	206.316.419.529
Chi phí khấu hao và hao mòn	61.392.980	132.763.258
Chi phí khác	7.760.913.864	5.894.943.581
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>751.662.117.815</b>	<b>620.386.753.754</b>
Chi phí nhân viên	394.134.038.837	311.531.620.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.988.009.573	211.606.697.329
Chi phí khấu hao và hao mòn	80.304.686.379	42.568.323.304
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu ngắn hạn khó đòi	78.546.601.241	(72.476.000)
Công cụ, dụng cụ	34.975.218.477	42.734.173.600
Chi phí khác	9.713.563.308	12.018.414.803
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.849.483.162.013</u></b>	<b><u>1.935.410.183.150</u></b>

**30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
		VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>14.313.895.425</b>	<b>12.561.868.470</b>
Khoản hỗ trợ từ đối tác	10.763.067.289	1.206.609.086
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	680.209.325	1.792.407.210
Thu nhập khác	2.870.618.811	9.562.852.174
<b>Chi phí khác</b>	<b>(32.745.223.960)</b>	<b>(10.778.684.634)</b>
Chi phí bồi thường	(20.649.830.732)	(210.872.088)
Chi phí thanh lý, xóa sổ tài sản	(5.555.779.301)	(1.472.728)
Hoàn nhập (dự phòng) suy giảm giá trị trò chơi trực tuyến	2.200.904.771	(9.964.798.153)
Chi phí khác	(8.740.518.698)	(601.541.665)
<b>(LỖ) LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC</b>	<b><u>(18.431.328.535)</u></b>	<b><u>1.783.183.836</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.526.030.111.628	1.766.837.315.767
Chi phí nhân viên	1.309.459.601.777	1.249.395.098.201
Phí bản quyền phần mềm	785.795.820.374	734.917.418.333
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và lợi thế thương mại (Thuyết minh số 11, 12 và 15)	209.217.182.775	151.409.574.824
Dự phòng (hoàn nhập) phải thu ngắn hạn khó đòi	78.546.601.241	(72.476.000)
Công cụ, dụng cụ	62.100.945.684	56.352.075.931
Chi phí khác	30.306.140.160	40.564.972.345
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.001.456.403.639</u></b>	<b><u>3.999.403.979.401</u></b>

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh, ngoại trừ các khoản miễn và/hoặc giảm sau đây:

- ▶ VNGS được miễn thuế TNDN trong bốn năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và thuế suất ưu đãi 5% cho chín (9) năm tiếp theo sau và 10% cho những năm còn lại tới hết năm 2026.
- ▶ VNG Singapore, ZPI, Cloudverse, VNG Investment, Instpay Holco, Instpay SG, và Verichains SG có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 17%.
- ▶ VNG Myanmar và Instpay AU có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25%.
- ▶ MLT HK và Instpay HK có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với tỷ lệ 8,25% trên 2 triệu HKD lợi nhuận đầu tiên tính thuế từ năm đầu tiên và thuế suất 16,5% cho phần lợi nhuận tính thuế còn lại.
- ▶ Instpay UK có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 19%.
- ▶ KMZ có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% được miễn thuế TNDN trong 2 năm từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 12,5% trong 3 năm tiếp theo.
- ▶ VinaData được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Công nghệ cao (2021) và giảm 50% thuế suất thuế TNDN áp dụng trong sáu (6) năm tiếp theo. Việc miễn, giảm thuế này chỉ áp dụng đối với thu nhập từ nhóm sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao.
- ▶ DMF được miễn thuế TNDN đối với thu nhập đóng góp cho mục đích từ thiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam.
- ▶ YoPlatform có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với tỷ lệ 0% trên 375 ngàn AED lợi nhuận đầu tiên tính thuế từ năm đầu tiên và thuế suất 9% cho phần lợi nhuận tính thuế còn lại.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**32.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	53.288.638.272	74.821.279.011
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	36.213.261.536	121.953.781.553
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>89.501.899.808</u></b>	<b><u>196.775.060.564</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b><u>(203.775.076.792)</u></b>	<b><u>(313.156.474.316)</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn	(60.953.623.478)	(62.155.462.328)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗ thuế chưa ghi nhận		
thuế thu nhập hoãn lại	82.426.096.949	245.951.561.906
Lỗ từ công ty liên kết	46.623.735.510	10.990.117.495
Phân bổ giá trị lợi thế thương mại	7.697.358.172	116.776.235
Chi phí không được khấu trừ	14.480.296.548	2.819.013.199
Thuế được miễn, giảm	(5.696.113.578)	(12.895.387.060)
Khác	4.924.149.685	11.948.441.117
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>89.501.899.808</u></b>	<b><u>196.775.060.564</u></b>

**32.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại và kỳ trước. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với tổng lỗ kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**32.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Tập đoàn đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lỗi có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	7.859.173.457	1.764.263.164	6.094.910.293	6.345.659.393
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	45.033.271	36.568.265	8.465.006	(282.562.851)
Dự phòng tổn thất tài sản	-	1.038.895.889	(1.038.895.889)	(3.871.817.383)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	3.618.573	(3.618.573)	(2.631.585)
Chi phí phải trả	-	-	-	(2.931.185.343)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	-	-	(1.960.713.102)
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	-	-	-	(1.895.195.882)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-	-	(274.968.246)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>7.904.206.728</b>	<b>2.843.345.891</b>		
Dự phòng đầu tư dài hạn vào công ty con và công ty liên kết	(590.956.934.717)	(542.137.229.943)	(48.819.704.774)	(110.397.827.648)
Khác biệt cơ sở ghi nhận doanh thu	(34.754.621.200)	(41.338.769.712)	6.584.148.512	6.883.489.708
Hao mòn bản quyền phần mềm trò chơi và khấu hao máy móc	(1.197.906.685)	(2.204.476.503)	1.006.569.818	(13.566.028.614)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ ngoại tệ sang VND	(198.343.655)	(153.207.726)	(45.135.929)	-
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>	<b>(627.107.806.257)</b>	<b>(585.833.683.884)</b>		
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(36.213.261.536)</b>	<b>(121.953.781.553)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**32.4 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước**

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được của Zion, VNG, XFM, DMF, VNG DC, A4B, Verichains, KMZ và VTH được phép chuyển lỗ trong vòng năm (5) năm liên tục, VNG Myanmar được phép chuyển lỗ trong vòng ba (3) năm tính từ năm phát sinh khoản lỗ đó và các công ty còn lại được phép chuyển lỗ vô thời hạn. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 6.094.011.876.673 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5.701.624.852.022 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2023	VND	
				Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Zion</b>					
2018	2023	180.589.964.996	-	-	180.589.964.996
2019 (*)	2024	344.902.359.223	-	-	344.902.359.223
2020 (*)	2025	685.983.587.158	-	-	685.983.587.158
2021 (*)	2026	1.229.426.701.077	-	-	1.229.426.701.077
2022 (*)	2027	1.309.878.614.959	-	-	1.309.878.614.959
2023 (*)	2028	336.639.276.039	-	-	336.639.276.039
<b>VNG (*)</b>					
2021	2026	254.223.078.671	-	-	254.223.078.671
2022	2027	1.327.933.407.365	-	-	1.327.933.407.365
2023	2028	105.302.356.945	-	-	105.302.356.945
<b>VNG Singapore (*)</b>					
2018	Vô thời hạn	85.383.668.490	(85.383.668.490)	-	-
2020	Vô thời hạn	13.852.694.356	(13.852.694.356)	-	-
2022	Vô thời hạn	175.136.629.141	(42.102.981.501)	-	133.033.647.640
<b>XFM (*)</b>					
2020	2025	5.735.187.541	-	-	5.735.187.541
2021	2026	16.312.706.534	-	-	16.312.706.534
2022	2027	15.512.810.994	-	-	15.512.810.994
2023	2028	7.358.027.267	-	-	7.358.027.267
<b>DMF (*)</b>					
2022	2027	161.570.256	-	-	161.570.256
2023	2028	163.942.338	-	-	163.942.338
<b>VNG DC (*)</b>					
2022	2027	1.127.303.840	-	-	1.127.303.840
2023	2028	38.662.258.826	-	-	38.662.258.826
<b>A4B (*)</b>					
2022	2027	1.815.902.495	(1.815.902.495)	-	-
<b>VNG Myanmar (*)</b>					
2021	2024	3.755.408.100	-	-	3.755.408.100
2022	2025	606.143.085	-	-	606.143.085
<b>Cloudverse (*)</b>					
2022	Vô thời hạn	13.439.341.891	-	-	13.439.341.891
2023	Vô thời hạn	15.319.324.210	-	-	15.319.324.210
<b>Verichains (*)</b>					
2022	2027	5.989.157.425	-	-	5.989.157.425
2023	2028	2.973.351.905	-	-	2.973.351.905



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**32.4 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước (tiếp theo)**

Chi tiết như sau (tiếp theo):

Năm phát sinh	Cổ thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2023	Không được chuyển lỗ	VND
					Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>VNG Investment (*)</b>					
2022	Vô thời hạn	292.297.680	-	-	292.297.680
<b>KMZ (*)</b>					
2022	2027	24.565.174.131	-	-	24.565.174.131
2023	2028	17.308.369.140	-	-	17.308.369.140
<b>Instpay Holco (*)</b>					
2022	Vô thời hạn	124.099.678	-	-	124.099.678
2023	Vô thời hạn	85.788.720	-	-	85.788.720
<b>Instpay SG (*)</b>					
2022	Vô thời hạn	117.920.710	-	-	117.920.710
2023	Vô thời hạn	7.409.674.128	-	-	7.409.674.128
<b>Instpay AU (*)</b>					
2022	Vô thời hạn	3.701.747.306	-	-	3.701.747.306
2023	Vô thời hạn	5.349.132.101	-	-	5.349.132.101
<b>VTH (*)</b>					
2022	2027	11.798.280	-	-	11.798.280
2023	2028	6.657.617	-	-	6.657.617
<b>YoPlatform (*)</b>					
2023	Vô thời hạn	9.688.897	-	-	9.688.897
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>6.237.167.123.515</b>	<b>(143.155.246.842)</b>	<b>-</b>	<b>6.094.011.876.673</b>

(\*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty mẹ và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế trị giá là 6.054.716.009.388 VND của VNG, DMF, Zion, VNG Singapore, VNG Myanmar, Cloudverse, XFM, VNG Investment, KMZ, Instpay Holco, Instpay SG, Instpay AU, VTH, VNG DC và YoPlatform do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và không có lãi suất.

Danh sách các bên liên quan của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Zion	Công ty con
VinaData	Công ty con
Vinanet	Công ty con
VNGS	Công ty con
EPI	Công ty con
Long Đỉnh	Công ty con
A4B	Công ty con
ZPS	Công ty con
VNG Online	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:  
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
DMF	Công ty con
MPT	Công ty con
VNG DC	Công ty con
VNG Singapore	Công ty con
VNG Myanmar	Công ty con
MLT HK	Công ty con
VNG Games	Công ty con
XFM	Công ty con
ZPI	Công ty con
Thanh Sơn	Công ty con
Adtima	Công ty con
Fiza	Công ty con
Cloudverse	Công ty con
Mixus	Công ty con
Verichains	Công ty con
VTH	Công ty con
VNG Investment	Công ty con
KMZ	Công ty con
Verichains SG	Công ty con
Instpay Holco	Công ty con
Instpay SG	Công ty con
Instpay AU	Công ty con
Instpay UK	Công ty con
Instpay HK	Công ty con
YoPlatform	Công ty con
Day One	Công ty liên kết
Ecotruck	Công ty liên kết
Funding Asia	Công ty liên kết
Telio	Công ty liên kết
Tiki Global	Công ty liên kết
Beijing Youtu	Công ty liên kết
Rocketeer	Công ty liên kết
OCG	Công ty liên kết
Dorocat Games Co., Ltd ("Dorocat")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Ti Ki ("Tiki")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Tikinow Smart Logistics ("Tikinow")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Telio Việt Nam ("Telio Vietnam")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Got It ("Got It")	Công ty con của công ty liên kết
Tencent Technology (Shenzhen) Company Limited ("Tencent Shenzhen")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Technology (Shanghai) Co. Ltd ("Tencent Shanghai")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Mobile International Ltd. ("Tencent Mobile")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Proxima Beta Pte. Limited ("Proxima")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Riot Games Services Pte Ltd. ("Riot Games Services")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Aceville Pte. Ltd. ("Aceville")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghệ BigV	Bên liên quan do có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND
Riot Games Services	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm Cung cấp dịch vụ quảng cáo	185.343.885.019 16.032.747.777	70.726.757.330 24.045.375	
Proxima	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm Cung cấp dịch vụ quảng cáo Thu nhập khác	151.478.284.642 21.856.911.425 6.101.925.943	237.448.666.713 - -	
Got It	Công ty con của công ty liên kết	Bán thẻ cào	56.328.389.257	46.167.469.314	
Aceville	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Mua dịch vụ	22.921.170.864	17.617.060.857	
Tencent Shenzhen	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	17.328.622.221	14.008.054.136	
TIKI	Công ty con của công ty liên kết	Dịch vụ hỗ trợ thanh toán trực tuyến Mua dịch vụ Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.361.370.104 1.042.608.431 321.818	3.548.257.931 - 1.248.289.009	
Day One	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.214.325.296	-	
Telio	Công ty liên kết	Góp vốn	-	515.282.476.878	
Tencent Shanghai	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	77.280	1.071.671.438	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>VND</i>
Funding Asia	Công ty liên kết	Góp vốn	-	512.549.703.860	
Ecotruck	Công ty liên kết	Góp vốn	-	46.799.918.402	
Tencent Mobile	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	-	2.079.490.848	

Số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>VND</i>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</b>					
Proxima	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	16.987.764.064	-	
Riot Games Services	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Thu nhập khác	6.602.400.000	-	
Day One	Công ty liên kết	Doanh thu cài đặt và tích hợp phần mềm	12.580.632.832	5.273.481.090	
TTiKi	Công ty con của công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	11.353.227	-	
Telio Vietnam	Công ty con của công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	579.771.749	476.144.092	
Tencent Mobile	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	42.000.000	20.000.000	
			<b>37.933.921.872</b>	<b>5.371.458.970</b>	
				<b>11.141.084.152</b>	

## Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)</b>					
Doracat	Công ty con của công ty liên kết	Phí bảo lãnh tối thiểu	6.602.400.000	6.599.600.000	
Ti Ki	Công ty con của công ty liên kết	Mua thẻ trò chơi trả trước	-	753.337.200	
			<b>6.602.400.000</b>	<b>7.352.937.200</b>	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)</b>					
Tencent Shenzhen	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	41.589.904.094	8.346.504.651	
Proxima	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Mua dịch vụ	37.498.425.817	101.460.396.920	
Ti Ki	Công ty con của công ty liên kết	Mua dịch vụ	129.860.398	-	
Aceville	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Mua dịch vụ	3.578.972	25.650.963.258	
Riot Games Services	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Mua dịch vụ	-	88.467.684.777	
Tencent Shanghai	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	-	332.802.510	
Day One	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	187.000.000	
			<b>79.221.769.281</b>	<b>224.445.352.116</b>	
<b>Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 17)</b>					
Got It	Công ty con của Công ty liên kết	Bán thẻ cào	1.325.753.079	3.256.938.436	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
				VND
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 20)</b>				
Riot Games Services	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	185.554.567.188	29.839.520.933
Proxima	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	111.227.923.687	106.083.177.267
Tencent Shenzhen	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	17.421.922.921	26.689.726.754
Aceville	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Mua dịch vụ	14.349.933.697	4.168.760.124
Tencent Shanghai	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	-	28.742.268
			<b>328.554.347.493</b>	<b>166.809.927.346</b>
<b>Phải trả khác (Thuyết minh số 21)</b>				
Tiki	Công ty con của Công ty liên kết	Thu hộ	541.732.683	2.546.560.883
Day One	Công ty liên kết	Thu hộ	84.682.363	45.877.445
			<b>626.415.046</b>	<b>2.592.438.328</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát bao gồm lương và các chi phí liên quan như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Thành viên Ban Giám đốc	15.283.467.680	18.203.436.316
Thành viên Hội đồng Quản trị	3.774.518.000	2.849.511.500
Thành viên Ban kiểm soát	90.000.000	90.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.147.985.680</u></b>	<b><u>21.142.947.816</u></b>

**34. LỖ TRÊN CỔ PHIẾU**

Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lỗ suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	(193.602.906.343)	(281.405.253.369)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	<u>28.305.230</u>	<u>25.436.721</u>
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong kỳ (*)	<u>28.305.230</u>	<u>25.436.721</u>
<b>Lỗ trên mỗi cổ phiếu</b>		
Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(6.840)	(11.063)
Lỗ suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(6.428)	(11.063)

(\*) Các công cụ sau có khả năng pha loãng lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu trong tương lai nhưng không được đưa vào tính toán lỗ suy giảm trên mỗi cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 vì chúng có tác dụng suy giảm ngược cho kỳ hiện tại được trình bày:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ ESOP III	1.045.047
Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến	<u>767.846</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.812.893</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đến 1 năm	77.905.007.767	54.948.329.105
Từ 1 đến 5 năm	64.389.615.312	36.309.298.481
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>142.294.623.079</u></b>	<b><u>91.257.627.586</u></b>

***Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn***

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có các cam kết liên quan đến việc thi công công trình, mua phí bản quyền trò chơi, mua sắm máy móc thiết bị và các cam kết khác được thể hiện như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phí bản quyền trò chơi	121.672.800.000	168.289.800.000
Phí đảm bảo tối thiểu	116.485.200.000	148.962.400.000
Máy móc và thiết bị	22.502.796.400	115.180.399.050
Dự án Trung tâm dữ liệu	6.322.187.610	19.713.890.612
Quyền sử dụng đất thuê	-	64.828.864.740
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>266.982.984.010</u></b>	<b><u>516.975.354.402</u></b>

**36. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong thuyết minh bên dưới do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Chi tiết các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu như sau:

**Chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến**

Công ty đã ký Hợp đồng Quyền chọn với một nhà cung cấp trò chơi trực tuyến vào ngày 1 tháng 8 năm 2010. Theo đó, nhà cung cấp trò chơi trực tuyến được cấp một số lượng quyền mua cổ phiếu phổ thông của Công ty với mức giá đã được ấn định là 8,0678 USD/cổ phiếu.

Quyền mua cổ phiếu phổ thông đã được thỏa mãn với các điều kiện theo Hợp đồng Quyền chọn vào tháng 10 năm 2014, cho phép nhà cung cấp trò chơi trực tuyến có các quyền với 1.032.917 cổ phiếu phổ thông của Công ty với mức giá đã được ấn định. Nhà cung cấp trò chơi trực tuyến có quyền thực hiện một số hoặc tất cả các quyền chọn đó theo thời gian hoặc bất cứ lúc nào, với điều kiện là tất cả các quyền chọn được thực hiện trước hoặc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Vào năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, kỳ thực hiện này được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**36. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

**Chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến (tiếp theo)**

Vào ngày 14 tháng 11 năm 2022, theo các điều khoản của hợp đồng cập nhật, Công ty đã điều chỉnh nghĩa vụ chuyển giao cổ phiếu phổ thông theo Hợp đồng Quyền chọn cho một đơn vị khác. Theo đó, các cổ đông có quyền chọn nắm giữ số lượng cổ phiếu phổ thông do đơn vị mới chuyển giao sẽ được hưởng lợi ích kinh tế đáng kể theo Hợp đồng Quyền chọn ban đầu. Việc thực hiện quyền chọn thay thế sẽ phải tuân theo một số điều kiện vào một thời điểm nhất định.

Vào ngày 7 tháng 7 năm 2023, Công ty đã thực hiện tái cơ cấu vốn cổ phần bằng cách hủy bỏ một số lượng cổ phiếu quỹ mà Tập đoàn đã mua lại trước đây (*Thuyết minh 38*). Theo đó, Công ty và các cổ đông nắm giữ quyền chọn đã đồng ý thay đổi số lượng cổ phiếu phổ thông do đơn vị mới chuyển giao và gia hạn thời điểm hoàn tất sang một ngày cụ thể khác và không thay đổi tổng giá trị thực hiện.

**Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần II (“ESOP II”)**

Tập đoàn có ESOP II (quyền mua cổ phiếu với giá 20.000 VND/cổ phiếu) với tổng số quyền mua cổ phiếu là 3.551.232 và được cấp từ tháng 7 năm 2012 đến hết năm 2018.

Chi tiết về chương trình cổ phiếu được tóm tắt như sau:

**1. Kế hoạch thực hiện**

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 5 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên. Các quyền mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015 được thực hiện trong vòng 3 hoặc 4 năm kể từ ngày cấp đầu tiên.

**2. Các điều khoản**

- (i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 20% tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Đối với quyền mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015, tỷ lệ này là 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.
- (ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

**3. Điều kiện**

- (i) Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.
- (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**36. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

**Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần II (“ESOP II”) (tiếp theo)**

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong kỳ được trình bày như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	20.000	-	20.000	42.500
Thực hiện quyền mua trong kỳ	20.000	-	20.000	(42.500)
Số dư tại ngày 30 tháng 6		-		-

**Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần III (“ESOP III”)**

Tập đoàn có ESOP III (quyền mua cổ phiếu với giá 30.000 VND/cổ phiếu) với tổng số quyền mua cổ phiếu là 2.921.832 và được cấp từ tháng 7 năm 2018 đến hết năm 2023.

**1. Kế hoạch thực hiện**

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 3 hoặc 4 năm từ ngày cấp đầu tiên.

**2. Các điều khoản**

- (i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt) tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.
- (ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

**3. Điều kiện**

- (i) Nhân viên chỉ được quyền thực thi quyền mua cổ phiếu với điều kiện là vẫn đang làm việc tại Tập đoàn tại thời điểm thực thi quyền mua cổ phiếu; tại bất kỳ thời điểm nào mà nhân viên ngừng làm việc tại Công ty vì bất kỳ lý do gì, mọi quyền chọn mua chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.
- (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua đã cấp và giá thực hiện trong kỳ được trình bày như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	30.000	753.876	30.000	704.887
Cấp trong kỳ	30.000	585.828	30.000	389.680
Mất quyền mua trong kỳ	30.000	(17.049)	30.000	(17.837)
Thực hiện quyền mua trong kỳ	30.000	(290.908)	30.000	(114.150)
Số dư tại ngày 30 tháng 6		1.031.747		962.580

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**36. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

**Chương trình khác**

Trong năm 2022, Tập đoàn đã đồng ý phát hành 4.600 cổ phiếu của công ty con, Instpay AU cho một cá nhân, với giá trị danh nghĩa là 0,01 USD/cổ phiếu. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, ngày cấp quyền chưa diễn ra do một số điều kiện tiên quyết vẫn chưa được thỏa mãn. Vào ngày 1 tháng 1 năm 2023, các điều kiện tiên quyết của ngày cấp quyền đã được thỏa mãn, đồng thời cũng xác định là ngày trao quyền.

**37. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<i>Ngoại tệ:</i>		
- TWD	92.243.446	101.010.478
- USD	13.576.232	16.495.601
- THB	7.695.733	5.726.664
- SGD	3.314.863	4.641.402
- CNY	1.681.735	824.686
- AUD	625.604	339.947
- MMK	465.884	7.928.300
- PHP	200.000	200.000
- AED	36.582	-
- INR	660	330

**38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 7 năm 2023, các cổ đông của Tập đoàn đã phê duyệt phương án hủy số cổ phần của Tập đoàn tương ứng với tổng mệnh giá của 7.108.262 cổ phiếu quỹ mà Tập đoàn đã mua lại trước đây. Vào ngày 13 tháng 7 năm 2023, Tập đoàn đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 42, và vào ngày 18 tháng 8 năm 2023, Tập đoàn cũng đã nhận được Công văn Số 865/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho việc thay đổi vốn nói trên. Theo đó, vốn cổ phần của Tập đoàn giảm từ 358.442.620.000 VND xuống 287.360.000.000 VND tại ngày này.

Vào ngày 11 tháng 7 năm 2023, VTH - công ty con trong Tập đoàn, đã ký kết hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Sài Gòn với hạn mức vay là 65 tỷ VND, nhằm mục đích mua lại một quyền sử dụng đất tọa lạc tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Khoản vay này được thế chấp bằng quyền sử dụng đất nêu trên.

Vào ngày 31 tháng 7 năm 2023, VNG Investment – công ty con trong Tập đoàn và các cổ đông khác đã tham gia kí kết một thỏa thuận cổ đông trong Instpay Holdco. Theo đó, tại ngày này, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Instpay Holdco giảm từ 100% xuống còn 48%. Tuy nhiên, Tập đoàn có quyền chỉ định hai (2) trên ba (3) thành viên hội đồng quản trị của Instpay Holdco và có quyền quyết định, kiểm soát ở hầu hết các hoạt động của Instpay Holdco. Vì vậy, Instpay Holdco vẫn là công ty con của Tập đoàn.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2023, VinaData - công ty con trong Tập đoàn, đã ký kết hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Sài Gòn với hạn mức vay là 57.801.161.040 VND, nhằm mục đích đầu tư tài sản cố định. Một phần tài sản cố định của VinaData được dùng để thế chấp cho khoản vay này.

Vào ngày 29 tháng 9 năm 2023, Cloudverse – công ty con trong Tập đoàn, đã phát hành và phân bổ thêm cổ phiếu cho một cá nhân là cổ đông hiện hữu của Cloudverse với giá là 1 US\$/cổ phiếu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Clouverse giảm từ 80% xuống còn 30% và Clouverse trở thành công ty liên kết của Tập đoàn từ ngày này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



\_\_\_\_\_  
Lê Thị Hồng Hạnh  
Người lập

\_\_\_\_\_  
Lê Trung Tín  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
Lê Hồng Minh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 10 năm 2023

